

được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

NGUYỄN VĂN HIỆN

**LỆNH của Chủ tịch nước số 03/2003-L-CTN ngày 10/3/2003 về việc công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

**CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;*

*Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,*

**NAY CÔNG BỐ:**

Nghị quyết quy định tổng biên chế và số lượng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2003./.

Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**TRẦN ĐỨC LƯƠNG**

**NGHỊ QUYẾT số 353/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 quy định tổng biên chế và số lượng thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003.**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;*

*Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tổng biên chế cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003 là 523 (năm trăm hai mươi ba) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là 120 (một trăm hai mươi) người.

**Điều 2.** Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
Chủ tịch

**NGUYỄN VĂN AN**